



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

360 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38368363 - Fax: (08) 38361278

Email: hatien1@hatien1.com.vn - Web: www.hatien1.com.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 17/08/2010

THÔNG BÁO

SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 04077
	Giới: Ngày 18 tháng 8 năm 2010

Công báo thông tin báo cáo soát xét Kết Quả Kinh Doanh giữa niên độ năm 2010 của Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1 (sau sáp nhập)

Căn cứ Thông tư Số: 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1 xin thông báo về việc công báo thông tin báo cáo soát xét kết quả kinh doanh giữa niên độ năm 2010 được đính kèm theo sau.

Trân trọng thông báo

T/M CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



VÕ VĂN VÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.881.802.064.363	1.290.809.526.545
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	39.544.932.300	2.285.958.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1.842.257.132.063	1.288.523.568.545
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	1.527.651.479.973	1.041.434.166.133
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		314.605.652.090	247.089.402.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	61.461.366.914	6.434.122.222
7. Chi phí tài chính	22	VL4	110.137.422.290	45.298.740.434
Trong đó: chi phí lãi vay	23		94.063.007.446	29.545.288.513
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	60.852.968.814	64.810.600.370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	72.601.305.965	48.057.698.764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		132.475.321.935	95.356.485.057
11. Thu nhập khác	31		837.223.998	3.624.152.653
12. Chi phí khác	32		4.066.885.256	10.162.904.088
13. Lợi nhuận khác	40		(3.229.661.258)	(6.538.751.435)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		129.245.660.677	88.817.733.622
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		26.898.520.123	11.138.928.677
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.568.466.000)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>104.915.606.554</u>	<u>77.678.804.945</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL7	<u>762</u>	<u>893</u>

